SAO Y; Ủy ban Nhân dân; Thời gian ký: 06/02/2024 14:53:08 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/KH-UBND	*Uông Bí, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về phương hướng nhiệm vụ năm 2024; Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND thành phố Uông Bí về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 05/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về phương hướng nhiệm vụ năm 2024; Nghị quyết số 212/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND thành phố Uông Bí về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận tốt hơn các chính sách, nguồn lực hỗ trợ của thành phố và cộng đồng; chú trọng nâng cao hiệu quả giảm nghèo khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xoá hộ nghèo, phấn đấu xoá hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều theo áp dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 tại Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 30/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách cho 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách kịp thời.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế nhằm nâng cao năng lực, thay đổi phong tục và thói quen sản xuất kém hiệu quả, áp dụng phương thức sản xuất và tiến bộ khoa học kỹ thuật; tạo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận và học hỏi cách làm kinh tế hiệu quả, tiến tới phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng thu nhập dựa trên thế mạnh của vùng, địa phương.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là phụ nữ.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác.

c) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập ổn định cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn khó khăn. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số quản lý; ưu tiên hỗ trợ mô hình thuộc lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, phát triển du lịch bản địa.

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật, khoa học, công nghệ và mô hình kinh doanh; xây dựng mô hình giảm nghèo, vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội; hỗ trợ trang thiết bị, vật tư, công cụ phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề; hỗ trợ kinh phí xây dựng, phát triển, nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ phát triển sản xuất để bảo đảm an ninh lương thực và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho người dân tại các vùng khó khăn. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (nông, lâm, ngư, diêm nghiệp) cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung

- Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

- Hỗ trợ hình thành liên kết chuỗi sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông sản tiềm năng, thế mạnh, sản phẩm chủ lực của địa phương;

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

2.2. Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

b) Đối tượng: Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 07/07/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, vận động cải thiện dinh dưỡng, thể lực cho trẻ em vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2022-2025", các chương trình hỗ trợ dinh dưỡng và chăm sóc bà mẹ, trẻ em nhằm nâng cao thể trạng, tầm vóc và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

- Tăng cường hướng dẫn chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc cho trẻ học đường (trẻ từ 05-10 tuổi); công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn, khu và cán bộ, nhân viên chăm sóc, bảo vệ trẻ em cấp xã; tăng cường nguồn lực và vai trò phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo gắn với tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng:

- Người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung hoạt động:

Truyền thông, tư vấn hướng nghiệp giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp; đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp.

3.2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng.

c) Nội dung hỗ trợ: Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

3.3. Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nội dung

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động.
- Hỗ trợ giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động.
- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư.
- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động.
- Hỗ trợ kết nối việc làm.

4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu

Tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở trong việc thông tin phổ biến, tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng thông tin thiết yếu của người dân; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

b) Đối tượng: Người nghèo, người dân; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.
- Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin.
- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã, phường. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động thường xuyên của đài truyền thanh xã, phường.

4.2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện; tuyên truyền các gương điển hình về giảm nghèo để thúc đẩy nhân rộng, đồng thời phát hiện ra các hành vi trục lợi chính sách giảm nghèo.

b) Đối tượng: Người nghèo, người dân; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông; hội thảo, hội nghị; báo viết, báo điện tử về giảm nghèo bền vững, mô hình giảm nghèo, kinh nghiệm, sáng kiến giảm nghèo và gương điển hình vươn lên thoát nghèo; nâng

cao nhận thức cho người dân yếu thế, những người dễ bị tổn thương để tiếp cận, thụ hưởng các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong nội dung truyền thông nhằm giảm định kiến giới, tạo điều kiện cho phụ nữ thoát nghèo.

- Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua *"Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"*; biểu dương, khen thưởng đối với các đơn vị, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích thoát nghèo bền vững.

5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

5.1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công tác giảm nghèo; bảo đảm đội ngũ cán bộ có đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng: Đội ngũ cán bộ, nhân viên thuộc các phòng, ban, ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cộng tác viên giảm nghèo, cán bộ các Hội, đoàn thể); cán bộ, nhân viên, cộng tác viên các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng, chú trọng đối tượng là cán bộ nữ.

c) Nội dung: tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về giảm nghèo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; tổ chức học tập kinh nghiệm về giảm nghèo.

5.2. Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu: Bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, Chương trình, đúng mục tiêu, đúng định hướng, đúng luật pháp, hiệu quả. Kịp thời giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo.

b) Đối tượng:

- Các cơ quan chủ trì, quản lý và thực hiện các nội dung, dự án của kế hoạch giảm nghèo.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện kế hoạch giảm nghèo bền vững.

c) Nội dung thực hiện:

Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch gồm: chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các Biểu mẫu; chế độ báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất (khi cần thiết); rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; ứng dụng phần mềm rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình để chuyển giao, hỗ trợ cho các địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương.

6. Thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của Tỉnh đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo

- Chính sách hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề: Thực hiện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ kinh phí, học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh và Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Chính sách trợ giúp pháp lý: Luật Trợ giúp pháp lý, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 04/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế: Luật Bảo hiểm y tế, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; các quy định khác của Trung ương, của Tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/ 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-TB&XH, Bộ Tài chính về chính sách giáo

dục đối với học sinh khuyết tật; các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện chính sách đặc thù của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 và Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020.

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo; Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015; Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg ngày 21/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện: Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện và Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách quy định tại Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; rà soát, thống kê hộ nghèo có khó khăn về nhà ở; chính sách đặc thù riêng của từng địa phương, nhằm khuyến khích người nghèo phát triển sản xuất, đăng ký thoát nghèo... và các chính sách có liên quan.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành năm 2024.

- Kinh phí lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án khác có cùng mục tiêu trên địa bàn thành phố.

- Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội của Trung ương và địa phương.

- Nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. GIẢI PHÁP CỤ THỂ HỖ TRỢ 01 HỘ NGHÈO, 100 HỘ CẬN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 13/2023/NQ-HĐND (TRONG ĐÓ: 28 HỘ CẬN NGHÈO THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 07/2021/NĐ-CP) THOÁT NGHÈO

Năm 2024 trên địa bàn thành phố có 01 hộ nghèo = 01 nhân khẩu, 100 hộ cận nghèo = 307 nhân khẩu theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND (Trong đó có 28 hộ cận nghèo = 89 nhân khẩu theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP). Theo Quyết định số 7544/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch lĩnh vực Lao động - Xã hội năm 2024, Thành phố giao UBND các xã, phường giảm 01 hộ nghèo, 100 hộ cận nghèo theo chuẩn tỉnh (trong đó có 28 hộ cận nghèo theo chuẩn trung ương). Để có phương án giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo, thoát cận nghèo, cần tập trung vào các giải pháp sau:

1. Vận động các nguồn lực xã hội hóa và người trong gia đình để hỗ trợ hàng tháng cho các trường hợp đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ thường xuyên: **11 hộ** (Quang Trung: 1 hộ, Nam Khê: 2 hộ, Yên Thanh: 4 hộ, Phương Nam: 4 hộ).

- Hỗ trợ sổ tiết kiệm: **42 hộ** (Thượng Yên Công: 5 hộ, Quang Trung: 2 hộ, Vàng Danh: 5 hộ, Bắc Sơn: 1 hộ, Phương Nam: 26 hộ, Thanh Sơn: 2 hộ, Yên Thanh: 1 hộ).

- Hỗ trợ học tập: **41 hộ** (Phương Đông: 1 hộ, Nam Khê: 5 hộ, Yên Thanh: 11 hộ, Phương Nam: 24 hộ)

- Hỗ trợ khám chữa bệnh: **19 hộ** (Phương Đông: 8 hộ, Yên Thanh: 7 hộ, Phương Nam: 2 hộ, Thanh Sơn: 2 hộ).

- Vận động các doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, các hội viên, đoàn viên, gia đình họ hàng và nhân dân ủng hộ để trợ cấp hàng tháng đối với các hộ nghèo đặc biệt khó khăn như gia đình có người mắc bệnh hiểm nghèo, nuôi con nhỏ, người cao tuổi già yếu không có con hoặc người thân chăm sóc phụng dưỡng, cụ thể:

- Các thành viên BCĐ Giảm nghèo của thành phố được phân công theo địa bàn, theo dõi, hướng dẫn UBND các xã, phường triển khai kế hoạch, đồng thời phối hợp với các xã, phường vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn cùng chung tay giúp đỡ hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn nâng cao mức sống.

- Đề nghị Quỹ Vì người nghèo thành phố phối hợp tập trung hỗ trợ các hộ vươn lên thoát nghèo.

2. Hộ có nhà ở hư hỏng nặng (sửa nhà và xây mới) không có điều kiện khắc phục.

- Tổng số **19 hộ** có nhu cầu xây mới và sửa nhà, trong đó: 01 hộ nghèo ở Bắc Sơn; 18 hộ cận nghèo: Quang Trung: 2 hộ, xã Thượng Yên Công: 6 hộ, Bắc Sơn: 01 hộ, Phương Nam: 9 hộ.

- Tổ chức vận động cán bộ, hội viên, đoàn viên, nhân dân và doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ từng hộ hoặc phân bổ nguồn hỗ trợ theo từng hộ. Giá trị xây dựng tùy theo thực trạng nhà ở của người nghèo.

- Đề nghị Quỹ Vì người nghèo thành phố phối hợp tập trung hỗ trợ các hộ vươn lên thoát nghèo.

3. Hỗ trợ các hộ có lao động nhưng thiếu vốn, không biết cách làm ăn hoặc thiếu việc làm.

3.1. Giới thiệu việc làm:

- Tổng số hộ: **02 hộ**: Yên Thanh: 01 hộ, Phương Nam: 01 hộ

- Giao phòng Lao động-TB&XH thành phố phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp tạo điều kiện bố trí việc làm, trực tiếp tiếp cận với người nghèo, người cận nghèo có nhu cầu tìm việc làm để hướng dẫn hồ sơ tuyển dụng.

3.2. Hỗ trợ vay vốn sản xuất, phát triển kinh tế:

- Tổng số: **18 hộ** (Yên Thanh: 4 hộ, Nam Khê: 6 hộ, Quang Trung: 2 hộ, Phương Đông: 4 hộ, Phương Nam: 1 hộ, Thanh Sơn: 1 hộ).

- Giao Ngân hàng chính sách xã hội phối hợp với UBND các xã, phường tuyên truyền, vận động và khuyến khích hộ nghèo vay vốn phát triển sản xuất; đơn giản về điều kiện, thủ tục hồ sơ để người nghèo, cận nghèo dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn; phân công thành viên BCĐ Giảm nghèo các xã, phường phối hợp với tổ tín dụng quản lý, hỗ trợ các hộ vay vốn, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả.

- Giao phòng Kinh tế thành phố phối hợp với UBND các xã, phường hướng dẫn cầm tay, chỉ việc để người nghèo, người cận nghèo biết cánh tổ chức sản xuất theo từng mô hình. Hướng dẫn các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thực hiện một số mô hình phát triển kinh tế phù hợp và có hiệu quả với từng hộ, để giúp các hộ nghèo, cận nghèo biết cách làm ăn, phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo.

- BCĐ giảm nghèo các xã, phường phân công thành viên phụ trách từng hộ và thường xuyên kiểm tra, hỗ trợ người nghèo trong quá trình thực hiện các mô hình để các mô hình phát huy được hiệu quả kinh tế tăng thu nhập cho hộ nghèo.

- Đề nghị quỹ Vì người nghèo thành phố phối hợp tập trung hỗ trợ các hộ về giống vốn sản xuất.

4. Đối với hộ người cao tuổi có con nhưng tách hộ ở riêng:

Đối với những hộ này *(nếu có)* yêu cầu UBND các xã, phường tuyên truyền, vận động các con, cháu, người thân có nghĩa vụ trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng ông, bà, cha mẹ theo Điều 10, Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 và Điều 70, luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tuyệt đối không để trường hợp con, cháu không nghèo nhưng để cha, mẹ thuộc hộ nghèo.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, các cơ sở Đảng xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các cá nhân thiếu trách nhiệm hoặc ngược đãi cha, mẹ, ông, bà theo quy định tại các điều của Mục 4, Nghị định 167/2013/NĐ-CP, quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực anh ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống bạo lực gia đình.

(Có dự kiến phương án kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố

- Là cơ quan thường trực công tác giảm nghèo của thành phố; chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất và phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động tại Mục 1, Mục 3, điểm 4.2, Mục 4, Mục 5 phần II của Kế hoạch cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu tham mưu, đề xuất các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác rà soát xác định hộ nghèo.

- Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các xã, phường cập nhật kết quả dữ liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Phương Đông triển khai thực hiện.

2. Phòng Kinh tế thành phố

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động tại điểm 2.1 của Mục 2 - Phần II; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện các hoạt động và báo cáo cơ quan thường trực Chương trình để tổng hợp.

- Phối hợp tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Bắc Sơn triển khai thực hiện.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các chính sách hỗ trợ giáo dục cho trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông là trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Quang Trung triển khai thực hiện.

4. Phòng Tài chính và kế hoạch thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố bố trí đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch giảm nghèo. Phối hợp tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách dự án liên quan đến đối tượng nghèo theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị phân khai nguồn kinh phí và triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn vốn.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Phương Nam triển khai thực hiện.

5. Phòng Y tế thành phố

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động tại điểm 2.2 - Mục 2 - Phần II;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của Tỉnh về hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo. Thực hiện công tác quản lý và phát huy hiệu quả Quỹ khám chữa bệnh người nghèo.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Nam Khê triển khai thực hiện.

6. Phòng Quản lý đô thị thành phố

- Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương của Tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Thanh Sơn triển khai thực hiện.

7. Phòng Tư pháp thành phố

- Chủ trì, hướng dẫn các chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố. Phối hợp tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực tư pháp cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chức năng, nhiệm vụ.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Vàng Danh triển khai thực hiện

8. Trung tâm Truyền thông và văn hóa thành phố

- Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động tại điểm 4.1 - Mục 4 - Phần II;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác giảm nghèo. Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình giảm nghèo hiệu quả, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu trong công tác giảm nghèo.

9. Bảo hiểm xã hội Thành phố

Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng chính sách xã hội khác (theo quy định của Trung ương và của Tỉnh) đảm bảo đối tượng được thụ hưởng chính sách kịp thời, đầy đủ.

10. Chi Cục Thống kê thành phố

- Phối hợp, cung cấp cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các thông tin, số liệu liên quan đến cuộc rà soát: mã vùng địa phương, các số liệu về dân số, số hộ dân cư trên địa bàn… để làm cơ sở tính tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu sau rà soát.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát hoạt động rà soát, khảo sát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố.

11. Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố

Đảm bảo đủ nguồn vốn và hướng dẫn quy trình, thủ tục và tạo điều kiện cho các đối tượng là hộ nghèo; hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận thuận lợi nguồn vốn vay và được vay vốn.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ kế hoạch giảm nghèo của thành phố và thực tiễn của địa phương để xây dựng kế hoạch và cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ giảm nghèo và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về giảm nghèo năm 2024. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của Trung ương, của Tỉnh đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Chủ động bố trí, cân đối nguồn ngân sách, vận động xã hội hóa nguồn lực để thực hiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững theo chỉ tiêu UBND Thành phố giao.

- Tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo đảm bảo chính xác, kịp thời, công khai, tránh bệnh thành tích; xác định, nắm chắc nguyên nhân nghèo để có giải pháp hỗ

trợ, giúp đỡ phù hợp, có hiệu quả. Đồng thời cập nhật thông tin hộ nghèo vào phần mềm quản lý, hoàn thiện bộ cơ sở dữ liệu về hộ nghèo.

- Tập trung các nguồn lực, nguồn vận động xã hội hóa trên địa bàn để triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình giảm nghèo để giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo. Tuyên truyền, vận động và hỗ trợ để hộ nghèo, hộ cận nghèo có ý chí vươn lên thoát nghèo không còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ sự trợ cấp của Nhà nước, tự phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

- Phối hợp với phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp và Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo lồng ghép giữa công tác cho vay vốn với công tác tập huấn kỹ thuật sản xuất.

- Tổ chức đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo định kỳ theo quy định.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội thành phố

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, các phòng, đơn vị và Uỷ ban nhân dân các xã, phường tuyên truyền, vận động nhân dân và các hội viên tham gia thực hiện tốt và giám sát quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường công tác vận động và phát huy hiệu quả "Quỹ vì người nghèo", tập trung nguồn lực hỗ trợ các hộ khó khăn nhất để các hộ đó có cuộc sống ổn định và tiến bộ hơn; vận động toàn dân hưởng ứng xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gắn với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện tốt các Chương trình, mục tiêu quốc gia giảm nghèo của Thành phố.

- Chỉ đạo các tổ chức hội, đoàn thể ở cơ sở tích cực cùng với BCĐ Giảm nghèo các xã, phường tham gia vận động, hỗ trợ và hướng dẫn hộ nghèo, hội viên, đoàn viên theo địa chỉ cụ thể, thoát nghèo bền vững.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc phường Yên Thanh và xã Thượng Yên Công triển khai thực hiện.

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, phường và thành viên BCĐ Giảm nghèo của thành phố căn cứ Kế hoạch để cụ thể hoá các nội dung phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở Lao động TB&XH QN (b/c);
- TT. Thành ủy, HĐND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND TP (c/đ);
- Uỷ ban MTTQ & các tổ chức chính trị TP (p/h);
- Các phòng, ban, ngành liên quan (t/h);
- UBND các xã, phường (t/h);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ ĐỂ THOÁT NGHÈO, CẬN NGHÈO NĂM 2024

(Kèm theo kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 05/02/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở							
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
	A	**HỘ NGHÈO**												
		BẮC SƠN												
	1	Phạm Thị Sỹ	24/05/1905	1	Khu 7	Sống một mình, hoàn cảnh khó khăn, không có nhà	60.000							
	B	**HỘ CẬN NGHÈO**												
	I	**THƯỢNG YÊN CÔNG**												
1	1	Trưởng Văn Hưởng	14/12/1987	4	Khe Sú 1	Ốm đau, bệnh tật. Không có việc làm ổn định, nuôi 2 con nhỏ	60.000							
2	2	Lý Văn Vinh	07/06/1976	1	Khe Sú 1	Sống một mình, bản thân ốm đau, không có sức khoẻ để lao động					10.000			
3	3	Trương Thị Bằng	15/10/1978	4	Khe Sú 2	Vợ chồng ly hôn, một mình nuôi 3 con nhỏ đang đi học.	30.000							
4	4	Trần Thị Vui	15/08/1984	3	Nam Mẫu 1	Chồng chết do tai nạn, một mình nuôi 2 con					10.000			
5	5	Nông Văn Tiến	01/10/1974	5	Tập Đoàn	Nhà đông con, không có công ăn việc làm ổn định, sức khoẻ yếu	30.000							

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
							Sửa chữa hoặc Xây mới							
6	6	Vi Thị Son	14/05/1977	4	Tập Đoàn	Chồng chết do tai nạn, một mình nuôi 3 con nhỏ đang ăn học					10.000			
7	7	Trương Văn Vinh	12/12/1952	2	Đồng Chanh	2 vợ chồng đều hết tuổi lao động, kinh tế khó khăn	30.000							
8	8	Trương Bá Đạt	5/1/1960	2	Đồng Chanh	2 vợ chồng đều hết tuổi lao động,vợ mắc bệnh hiểm nghèo, kinh tế khó khăn					10.000			
9	9	Trương Minh Hiếu	04/09/2005	2	Đồng Chanh	Bố chết, mẹ đi lấy chồng, hai anh em sống nhờ vào sự giúp đỡ của họ hàng					10.000			
10	10	Đặng Thị Hợi	12/01/1959	5	Quan Điền Khe Thần	Nhà đông khẩu ăn theo. Hoàn cảnh kinh tế khó khăn	30.000							
11	11	Lý Văn Hiến	26/7/1976	5	Quan Điền Khe Thần	Nhà đông khẩu ăn theo. Hoàn cảnh kinh tế khó khăn	30.000							
	II	**PHƯƠNG ĐÔNG**												
12	1	Bùi Thị Nguyệt	01/01/1959	1	Tân Lập	Già yếu, ở một mình, đi viện thường xuyên						10.000		
13	2	Phạm Thị Chiều	27/02/1966	2	Tân Lập	Mẹ đơn thân nuôi con			10.000					
14	3	Vũ Hải Ninh	03/02/1981	5	Tân Lập 1	Bản thân sức khỏe yếu, gia đình đông con			10.000					
15	4	Lưu Văn Yên	01/01/1976	3	Tân Lập 1	Một mình ốm đau, nuôi 2 con						10.000		
16	5	Nguyễn Thị Hồng	02/03/1957	4	Tân Lập 1	Bản thân sức khỏe yếu, gia đình đông con						10.000		

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở							
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
17	6	Đỗ Văn Tài	01/01/1957	1	Bí Trung 1	Già yếu, ở một mình, đi viện thường xuyên						10.000		
18	7	Nguyễn Văn Sơn	10/10/1945	2	Bí Trung 1	2 vợ chồng già yếu, đi viện thường xuyên						10.000		
19	8	Hồ Thị Thu Hương	10/12/1972	3	Bí Trung 2	Một mình nuôi 2 cháu nhỏ mồ côi		10.000						
20	9	Hoàng Thị Nguyên	09/05/1960	2	Bí Trung 2	Bản thân hay ốm đau, con không có việc làm ổn định.			10.000					
21	10	Vũ Thanh Tới	04/12/1982	3	Liên Phương	Một mình nuôi 2 con nhỏ						10.000		
22	11	Dìu Thị Thiết	01/01/1961	2	Liên Phương	Bản thân già, yếu nuôi cháu nhỏ			10.000					
23	12	Lê Thị Tâm	22/02/1960	2	Dốc Đỏ 1	Bản thân nuôi chồng bị tâm thần						10.000		
24	13	Đinh Thị Ngoan	02/10/1959	1	Cửa Ngăn	Già yếu, ở một mình, đi viện thường xuyên						10.000		
	III	**QUANG TRUNG**												
25	1	Phạm Thị Khánh	27/12/1965	3	Khu 3	Chồng mới chết, con gái đi tù để lại 02 con cho bà nuôi dưỡng.				10.000				
26	2	Bùi Thị Tuyết	15/05/1968	2	Khu 3	Hộ gia đình có 02 khẩu, bản thân bà Tuyết ốm đau, con trai lao động tự do. Đang ở nhà tạm, chưa có giấy chứng nhận QSDĐ.	20.000							

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở							
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
27	3	Nguyễn Kế Chiến	07/09/1966	3	Khu 4	Vợ mới chết, bản thân tàn tật, con gái sức khỏe yếu không lao động nặng được.					10.000			
28	4	Trịnh Thị Vin	10/04/1951	1	Khu 5B	Không có chồng con, nhà ở tạm. Không có đất ở, em trai cho mượn đất để xây nhà.	100.000							(đã hoàn thành trong tháng 1/2024)
29	5	Vi Thị Hằng	07/03/1988	5	Khu 10	Chồng chết, nuôi 04 con. Bản thân bán ếch ở chợ.			10.000					
30	6	Dương Thị Toàn	05/05/1955	4	Khu 12	Bản thân già yếu, sống cùng 02 con trai và 01 cháu (01 con trai bị tai nạn lao động không lao động được, 01 con trai đang làm lao động tự do)					10.000			
31	7	Nguyễn Thị Huệ	27/12/1987	4	Khu 12	Bỏ chồng nuôi 03 con ăn học. Bản thân lao động tự do không có nhà đang sống cùng nhà mẹ đẻ.			10.000					
	IV	**VÀNG DANH**												
32	1	Bùi Đình Hải	03/08/1978	4	Khu 1	Bản thân mắc bệnh tâm thần phân liệt, vợ lao động tự do, nuôi 2 con ăn học					20.000			
33	2	Trần Hùng	04/04/1982	3	Khu 1	Hai vợ chồng ly hôn, bản thân mắc TNXH, nuôi 2 con ăn học					20.000			

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở							
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
34	3	Nguyễn Văn Mạnh	5/2'1979	1	Khu 6	Bản thân mắc TNXH, sống một mình, sức khỏe yếu					20.000			
35	4	Vũ Minh Thụy	16/04/1965	3	Khu 8	Sức khỏe yếu, không lao động được , 2 con trai đang trong trại giam					20.000			
36	5	Nguyễn Thị Cấm	01/01/1948	1	Khu MTĐB	Bản thân già yếu, sống một mình, có con nhưng cũng bị khuyết tật, HCKK					20.000			
	V	**NAM KHÊ**												
37	1	Phan Thị Cẩm Thuỷ	12/4/1980	2	Nam Tân	Nhà ở cấp 4, bản thân lao động tự do, sức khỏe yếu', nuôi con nhỏ		3.000	8.000					
38	2	Đậu Thị Hoè	5/5/1949	7	Nam Sơn	Bản thân già yếu, sống cùng với vợ chồng con trai lao động tự do nuôi 4 con còn nhỏ		6.000	8.000	Chuyển sang đối tượng NQ 08				
39	3	Lê Thị Thu	1/1/1950	2	Tre Mai	Bản thân già yếu, sống cùng con trai bị khuyết tật			6.000	Chuyển sang đối tượng NQ 08				
40	4	Nguyễn Thị Oanh	5/4/1987	3	Chạp Khê	Chồng chết nuôi 2 con nhỏ, lao động tự do		6.000	7.000					
41	5	Bùi Hồng Sóng	27/7/1985	5	Chạp Khê	Bản thân bị khuyết tật, vợ lao động tự do nuôi 03 con nhỏ		9.000	8.000					
42	6	Nguyễn Quang Việt	25/9/1984	6	Chạp Khê	Nhà ở cấp 4, 2 vợ chồng lao động tự do, 4 con còn nhỏ thường xuyên ốm đau		6.000	7.000					

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở							
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
	VI	YÊN THANH												
43	1	Tô Tiến Việt	13/12/1981	4	Lạc Thanh	2 vợ chồng là lao động tự do (nổ bỏng bán dọc đường), con mắc bệnh hiểm nghèo (bị ung thư máu)			10.000			10.000		
44	2	Nguyễn Thị Hay	01/01/1955	4	Lạc Thanh	Bản thân bà Hay cao tuổi, không có chế độ, chồng bị bệnh nghề nghiệp, đang hưởng chế độ, hiện làm nghề lái xe ôm. 2 ông bà nuôi 2 cháu nhỏ ăn học, nhà ở xuống cấp. Con trai chết, Con dâu lấy chồng, hiện ở hải phòng.		5.000			20.000			
45	3	Phạm Thị Chuyên	30/08/1982	3	Lạc Thanh	Hiện bán hàng phân bón tại nhà, nuôi hai con nhỏ ăn học. Có 1 con bị bệnh hiểm nghèo		5.000				20.000		
46	4	Lê Văn Bền	22/06/1957	5	Lạc Thanh	Bản thân già, yếu ở nhà không có chế độ gì; con trai lao động tự do (làm ruộng); có vợ bị bệnh nặng (U nang, bụng to) ở nhà nuôi hai con nhỏ ăn học		5.000				20.000		
47	5	Nguyễn Văn Dũng	01/01/1967	4	Bí Giàng	Bản thân đi tù về, bị ung thư. Vợ bị tại nạn chết, mới lấy vợ mới làm Viship nuôi mẹ già và 1 con ăn học		10.000				10.000		

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở							
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
48	6	Hoàng Thị Hà Vy	26/09/2008	2	Bí Giàng	Bố chết, mẹ đi lấy chồng, bản thân đang đi học và nuôi 1 em trai ăn học		10.000		10.000				
49	7	Nguyễn Thị Nguyệt	01/01/1984	2	Bí Giàng	Chồng bỏ, cả mẹ con đều không khôn ngoan, đang nuôi con đi học		5.000		10.000				
50	8	Nguyễn Văn Muộn	20/10/1980	4	Núi Gạc	Hai vợ chồng không có nhà ở, hiện ở nhờ trên đất nhà thông gia. Chông làm bảo vệ CT Giầy da, vợ không có việc làm. Hiện nuôi 2 con, trong đó có 1 con mới sinh		5.000		10.000				
51	9	Phùng Văn Khánh	19/08/1984	4	Núi Gạc	Bị liệt năm một chỗ, hiện hưởng trợ cấp đặc biết nặng; nuôi 2 con ăn học. Vợ làm công nhân		10.000				10.000		
52	10	Phạm Thị Thái	02/03/1958	3	Núi Gạc	Bản thân bị suy tim, không có thu nhập, nuôi hai cháu ngoại ăn học. Con trai đi tù, con dâu đi lấy chồng		10.000				10.000		
53	11	Vũ Văn Trọng	01/01/1983	4	Phú Thanh Đông	Chồng phụ xây, vợ làm ruộng, nhà ở cấp 4 sập xệ (không xây, sửa đc do vào QH), bìa đất tên bố, mẹ. Nuôi 2 con ăn học.	30.000	10.000						
54	12	Nguyễn Thị Miền	02/01/1960	6	Phú Thanh Đông	Bản thân làm ruộng, có 1 còn đi tù, nghiện; 1 con dâu làm ruộng nuôi hai con nhỏ ăn học. 1 con trai là lao động tự do	30.000		10.000					

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở						Việc làm	
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)		
55	13	Đỗ Thị Ngoan	01/01/1971	1	Phú Thanh Tây	Bản thân bị bệnh xã hội, chồng chết, rửa bát thuê				10.000				
56	14	Vũ Văn Rộng	01/01/1950	3	Phú Thanh Tây	Hai vợ chông ở nhà làm ruộng, không có thu nhập ổn định. Nuôi 1 con bị bệnh tâm thần, đang dùng thuốc, được hưởng chế độ khuyết tật đặc biệt nặng. Ông Rộng đang được hưởng chế độ người cao tuổi				20.000				
	VII	**BẮC SƠN**												
57	1	Lại Ngọc Tuệ	16/07/1979	2	Khu 3	Bản thân đối tượng BTXH, đơn thân nuôi con					10.000			
58	2	Nguyễn Thị Hải	18/08/1955	1	Khu 7	Sống một mình, không có nhà, hoàn cảnh khó khăn	60.000							
	VIII	**PHƯƠNG NAM**												
59	1	Bùi Văn Khanh	04/03/1989	3	Hiệp An 1	Chủ hộ bệnh nặng đã chết, còn 2 con nhỏ hiện đang ở cùng ông bà ngoại, mẹ bỏ đi lấy chồng.		3.000			15.000			
60	2	Nguyễn Thị Lanh	20/10/1952	2	An Hải	Bản thân già yếu, con khuyết tật đặc biệt nặng					20.000			
61	3	Đinh Văn Viết	09/04/1942	5	An Hải	Hai vợ chồng già yếu, nhà cửa xuống cấp nhưng ko có GCNQSDĐ, con gái ở cùng không chồng nhưng có 2 con nhỏ		3.000			15.000			
62	4	Nguyễn Tiến Đạt	25/10/1981	3	An Hải	Bản thân đi tù, 2 con nhỏ đang ở với ông bà nội		3.000			15.000			

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở						Việc làm	
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)		
63	5	Bùi Thị Thuận	20/12/1981	3	An Hải	Chồng đi tù, vợ chồng đã ly hôn, 3 mẹ con ở trọ		3.000			15.000			
64	6	Bùi Văn Chiến	01/12/1979	4	An Hải	Vợ chồng ly hôn, bản thân nuôi 02 con nhỏ và mẹ già ốm đau		3.000			15.000			
65	7	Đinh Thị Oanh	19/02/1990	4	Phương An	Chồng thường xuyên ốm đau, không có việc làm ổn định, bản thân là trụ cột nuôi gia đình, 2 con nhỏ, ở nhà trọ xuống cấp					10.000	10.000		
66	8	Nguyễn Văn Bình	22/08/1984	5	Phương An	Gia đình đông con, nhà xuống cấp nghiêm trọng	60.000	3.000						
67	9	Bùi Thị Lan	01/01/1946	4	Hiệp An 2	Chủ hộ già yếu, nuôi 03 cháu mồ côi bố, mẹ các cháu bỏ đi lấy chồng		3.000			15.000			
68	10	Nguyễn Thị Tỉnh	01/01/1953	3	Hiệp An 2	Bản thân già yếu, con cái không được khôn ngoan, nuôi 1 cháu đang tuổi ăn học		3.000		10.000				
69	11	Vũ Thị Hoà	01/01/1953	2	Hiệp An 2	Bản thân già yếu, con cái không được khá giả, nuôi 1 cháu khuyết tật nặng				10.000				
70	12	Nguyễn Thị Lan	12/02/1952	2	Hiệp An 2	Bản thân già yếu, con cái không được khá giả, nuôi 1 con khuyết tật nặng				10.000				
71	13	Trần Thị Trang	12/02/1987	4	Hiệp An 2	Chồng bỏ, nuôi 3 con ăn học		3.000			10.000			
72	14	Vũ Văn Thìn	25/02/1964	4	Hiệp Thái	Bản thân già yếu, không có việc làm, vợ là lao động chính nhưng bị tâm thần nhẹ, 02 con ăn học		3.000			10.000			

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở							
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)	Việc làm	
73	15	Đinh Thị Dung	14/02/1964	1	Hiệp Thái	Chồng vừa chết, nhà cửa xuống cấp, không có việc làm	60.000							
74	16	Bùi Thị Minh	26/09/1992	4	Hiệp Thái	Chồng chết, đơn thân nuôi 03 con ăn học, nhà cửa xuống cấp	30.000				20.000			
75	17	Nguyễn Minh Quang	19/08/1967	3	Hiệp Thái	Vợ chết, đơn thân nuôi 02 con ăn học		3.000			15.000			
76	18	Nguyễn Thị Tỉnh	17/01/1954	1	Hiệp Thái	Bản thân già yếu, nhà cửa xuống cấp nhưng không có khả năng xây dựng					20.000			
77	19	Vũ Văn Đô	04/02/1978	7	Hiệp Thái	Gia đình đông con		3.000						
78	20	Đinh Khắc Phong	30/05/2006	2	Hiệp Thái	Mồ côi bố, mẹ khuyết tật đặc biệt nặng		3.000			20.000			
79	21	Vũ Văn Minh	25/12/1975	4	Bạch Đằng 1	Bản thân khuyết tật nặng, vợ không có việc làm con không được khôn ngoan, nhà cửa xuống cấp	30.000							
80	22	Vũ Thị Phượng	02/03/1984	2	Bạch Đằng 1	Hai mẹ con mắc bệnh hiểm nghèo					20.000			
81	23	Đoàn Thị Quý	03/10/1954	3	Bạch Đằng 1	Bản thân già yếu, nuôi 02 cháu mồ côi, 1 cháu khuyết tật đặc biệt nặng, 1 cháu đang đi học, nhà cửa xuống cấp	30.000	3.000						
82	24	Đoàn Văn Mến	01/01/1948	3	Bạch Đằng 2	Hai vợ chồng già yếu, nuôi 01 cháu không có bố, mẹ đi lấy chồng		3.000			15.000			

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở						Việc làm	
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)		
83	25	Vũ Văn Hải	06/12/1966	3	Bạch Đằng 2	Nhà cửa xuống cấp nhưng chưa có đất ở hợp pháp, hiện đang ở trên đất nông nghiệp, nuôi 01 cháu mồ côi	30.000							
84	26	Nguyễn Văn Sinh	01/03/1944	2	Hiệp Thanh	Hai vợ chồng già yếu, con cái không khá giả					20.000			
85	27	Đinh Thị Hưng	17/11/1970	3	Hiệp Thanh	Không có chồng, hiện đang nuôi 02 con nhỏ ăn học, công việc chính là đi làm thuê và chăn bò		3.000			20.000			
86	28	Bùi Thế Anh	21/12/1987	5	Hiệp Thanh	Nhà cửa xuống cấp nhưng chưa có đất ở hợp pháp, đông con, con gái mắc bệnh về mắt	60.000					10.000		
87	29	Đặng Văn Tú	08/06/1986	3	Phong Thái	Vợ bỏ đi mất tích, một mình nuôi 2 con, hoàn cảnh kinh tế khó khăn		3.000		10.000				
88	30	Vũ Văn Hải	01/01/1953	2	Phong Thái	Hai vợ chồng già yếu, con cái ở xa, khó khăn			4.000		20.000			
89	31	Phạm Văn Sáu	02/10/1973	4	Hồng Hà	Bản thân khuyết tật đặc biệt nặng, nuôi 03 cháu mồ côi, hiện các cháu đã trưởng thành chỉ còn 01 cháu đang đi học		3.000			15.000			
90	32	Ngô Thị Hiên	06/04/86	4	Hồng Hải	Chồng chết, đơn thân nuôi 03 nhỏ con ăn học		3.000			20.000			
91	33	Đặng Thị Miện	09/02/1965	2	Đá Bạc	Bản thân già yếu, không có việc làm ổn định, con đang học nghề, nhà cửa xuống cấp	30.000							

STT		Họ và tên hộ gia đình	Năm sinh	Nhân khẩu	Địa chỉ	Hoàn cảnh gia đình	Dự kiến phương án và số tiền hỗ trợ							Ghi chú
							Hỗ trợ nhà ở						Việc làm	
							Sửa chữa hoặc Xây mới	Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ giống, vốn phát triển kinh tế (bò, lợn, gà)	Hỗ trợ thường xuyên (năm)	Tặng sổ TK	Hỗ trợ khác (chữa bệnh)		
92	34	Trần Văn Ba	07/02/1981	4	Đá Bạc	Vợ bỏ, nuôi 02 con nhỏ ăn học		10.000						
93	35	Phạm Thị Hoàng Yến	07/05/1987	4	Đá Bạc	Vợ chồng ly hôn, bản thân nuôi 03 con nhỏ, ở nhờ nhà bà ngoại		15.000			15.000			
94	36	Nguyễn Huy Công	13/06/1987	4	Cẩm Hồng	Hai vợ chồng không có việc làm, không biết làm ăn, nuôi 02 con nhỏ	60.000							
95	37	Ngô Đình Thanh	13/11/1982	4	Cẩm Hồng	Vợ chết, đơn thân nuôi 03 con ăn học		3.000			15.000			
96	38	Lý Thị Dịu	20/11/1983	3	Cẩm Hồng	Chồng chết, đơn thân nuôi 02 con ăn học, không có việc làm		3.000			15.000		x	
97	39	Dương Văn Nhâm	01/01/1963	1	Cẩm Hồng	Bản thân sức khỏe yếu, mắt không nhìn rõ					15.000			
98	40	Nông Thị Cúc	10/06/1987	3	Cẩm Hồng	Chồng chết, đơn thân nuôi 02 con ăn học, không có việc làm		3.000			15.000			
	IX	**THANH SƠN**												
99	1	Phạm Văn Minh	04/04/1959	1	Khu 4, Thanh Sơn	Hiện sống đơn thân, hạn chế về trí tuệ.					10.000	2.000		
100	2	Vũ Thị Đông	20/08/1951	3	Khu 10, Thanh Sơn	Bản thân là người khuyết tật, sống cùng vợ bị đau ốm thường xuyên và một con gái bị tâm thần			18.000		10.000	2.000		
		TỔNG					**900.000**	**206.000**	**146.000**	**110.000**	**640.000**	**184.000**		

Tổng số tiền dự kiến hỗ trợ 2.186.000